



**This project is funded by  
the European Union**

## **BÁO CÁO**

**MÃ HOẠT ĐỘNG: EU 31**

# **DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ TƯƠI XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM VÀO THỊ TRƯỜNG EU**

**Bản cuối cùng**

**18/10/2017**

*Soạn thảo bởi: Ruggero Malossi*

Báo cáo này được xây dựng với sự hỗ trợ của Liên minh Châu Âu. Nội dung của báo cáo này hoàn toàn thuộc trách nhiệm của (các) tác giả và không thể hiện quan điểm của Liên minh Châu Âu.

Tên dự án :	Duy trì và mở rộng thị trường rau quả tươi xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường EU		
Mã dự án.:	CODE EU-31		
Quốc gia :	Việt Nam		
	<u>Đơn vị chủ quản</u>	<u>Đơn vị thầu khung</u>	<u>Đơn vị thực hiện</u> (nếu có)
Tên:			
Địa chỉ:			
Số điện thoại:			
Số Fax:			
Email:			
Số máy nhắn tin:			
Người liên hệ:			

# MỤC LỤC

<i>Danh mục từ viết tắt</i> .....	6
<b>1. TÓM TẮT NỘI DUNG</b> .....	<b>7</b>
1.1 Những khuyến nghị về mặt thể chế.....	8
1.2 Khuyến nghị cho khu vực tư nhân.....	9
<b>2. THÔNG TIN VỀ BỐI CẢNH</b> .....	<b>9</b>
<b>3. MÔ TẢ CÔNG VIỆC</b> .....	<b>10</b>
3.1 Mục tiêu toàn cầu .....	10
3.2 Các hoạt động được yêu cầu.....	10
4.1 Lập kế hoạch hoạt động.....	11
4.2 Chức năng và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo vệ thực vật, Bộ Nông nghiệp và PTNT .....	12
4.2.1 Mạng lưới Bảo vệ thực vật.....	12
4.2.2 Hệ thống kiểm dịch thực vật.....	12
4.2.3 Việc thực thi các tiêu chuẩn quốc tế về bảo vệ thực vật. ....	13
4.2.4 Quản lý thuốc trừ sâu.....	14
4.3 Chức năng và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kiểm định và Quản lý thuốc bảo vệ thực vật phía Bắc....	14
4.3.1 Danh mục trái cây và rau quả tươi xuất khẩu sang EU .....	15
4.3.2 Sản phẩm trái cây xuất khẩu đã chế biến .....	15
4.3.3 Chương trình công nhận phòng thí nghiệm.....	16
4.3.4 Các cơ quan chính thức có thẩm quyền công nhận phòng thí nghiệm .....	16
4.3.5 Nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật.....	16
4.4 Cuộc họp với các đơn vị thuộc Cục Bảo vệ thực vật (PQSQ, Trung tâm kiểm dịch sau nhập khẩu, Công tác kiểm tra dư lượng thuốc trừ sâu của Cục BVTV) .....	16
4.5 Nghiên cứu thực tế: CÔNG TY TNHH MTV SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI ANH NHÂN (ANPRO CO, LTD).....	18
<b>4. HAI HỘI THẢO</b> .....	<b>23</b>
<b>5. THÔNG TIN VỀ THUẬN LỢI HÓA THƯƠNG MẠI VÀO EU</b> .....	<b>23</b>
5.1 Bộ phận hỗ trợ xuất khẩu .....	23
5.2 Các yêu cầu an toàn áp dụng cho xuất khẩu trái cây và rau quả tươi sang EU .....	25
<b>6. CÁC KẾT QUẢ CHÍNH</b> .....	<b>27</b>
6.1 Vấn đề vi phạm an toàn thực phẩm nghiêm trọng tại Việt Nam.....	27
6.2 Sản xuất rời rạc .....	28
6.3 Các tiêu chuẩn giám sát an toàn chất lượng trong quy trình sản xuất và phân phối.....	28
<b>7. CÁC KHUYẾN NGHỊ</b> .....	<b>30</b>
7.1 Các khuyến nghị về mặt thể chế.....	30
7.2 Khuyến nghị cho khu vực tư nhân.....	31
<i>Phụ lục 1: Chương trình gấp mặt và kế hoạch làm việc</i> .....	<b>33</b>
<i>Danh sách các Phụ lục khác</i> .....	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
Phụ lục 2: Đề xuất dự án.....	35
Phụ lục 3: Hướng dẫn sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn của FAO .....	35
Phụ lục 4: Các bài thuyết trình .....	35



## Danh mục từ viết tắt

AH	Animal Health
APIU	Agricultural Projects Implementation Unit
BIPs	Border Inspection Posts
CCs	Critical competencies
CE	Continuing education
CVL	Central Veterinary Laboratory
CVO	Chief Veterinary Officer
EAEVE	European Association of Establishments for Veterinary Education
EBRD	European Bank for Reconstruction and Development
EU	European Union
EEU	Eurasian Economic Union
FMD	Foot and Mouth Disease
GIZ	German Cooperation Agency
GSP	General System of Preferences
HACCP	Hazard Analysis of Critical Control Points
JICA	Japan International Cooperation
KCA	Vietnam Center of Accreditation
LMDP	Livestock and Market Development Project
MoH	Ministry of Health
OIE	World Organisation for Animal Health
OIE PVS	OIE Performance of Veterinary Services Evaluation Tool
PPR	Peste des Petits Ruminants
SOP	Standard Operating Procedures
TB	Tuberculosis
USAID	United States AID Agency
VS	Veterinary Service(s)
VPH	Veterinary Public Health
VSB	Veterinary Statutory Body (see OIE Code definition)
WB	World Bank

## 1. TÓM TẮT NỘI DUNG

Hoạt động này là một phần của Dự án Hỗ trợ Chính sách Thương mại và Đầu tư Châu Âu (EU-MUTRAP) do Bộ Công Thương nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam phối hợp với Ủy ban Châu Âu thực hiện.

Hệ thống SPS Việt Nam đã được thành lập từ năm 2005 và vẫn chưa thể đáp ứng nhu cầu về an toàn thực phẩm của quốc gia. Hoạt động lần này sẽ tập trung vào việc hỗ trợ các nhà xuất khẩu rau quả tươi của Việt Nam sang EU thông qua việc phổ biến thông tin có liên quan bằng việc chuẩn bị một sổ tay hướng dẫn dành cho các nhà xuất khẩu được chia thành ba phần; phần thứ nhất đề cập đến các yêu cầu bắt buộc và không bắt buộc về mặt pháp lý mà các nhà xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU phải tuân thủ. Phần thứ hai sẽ tập trung vào các yêu cầu về chất lượng, các tiêu chuẩn và các yêu cầu kỹ thuật mà các nhà bán lẻ và phân phối lớn của Châu Âu có thể đòi hỏi các nhà xuất khẩu Việt Nam. Và phần cuối cùng, đó là một hướng dẫn thông minh về cách tìm kiếm thu thập thông tin liên quan trên trang web của EU để tạo điều kiện cho việc xuất khẩu sang EU.

Phương pháp tiếp cận được sử dụng bởi chuyên gia quốc tế lần này là thống nhất một chương trình làm việc với cơ quan chức năng địa phương, cụ thể là Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh. Văn phòng Cục Bảo vệ thực vật đã tổ chức các cuộc làm việc của chuyên gia với các đơn vị kiểm dịch địa phương, bên cạnh hai Hội thảo đã được tổ chức tại phía Bắc và phía Nam. Những hoạt động này, ngay cả khi không có trong ToRs, vẫn thực sự rất cần thiết nhằm tìm hiểu những khó khăn, nhu cầu đào tạo, môi trường điều tiết và các điều kiện của khu vực tư nhân đang cản trở việc xuất khẩu sang Châu Âu. Hoạt động này cũng cần thiết nhằm chuẩn bị nội dung cho các cuộc hội thảo và để xây dựng sổ tay hướng dẫn để giải quyết các vấn đề gặp phải. Do vậy, tuần đầu tiên trong chuyến làm việc đã được dành để gặp gỡ và làm việc với đại diện các cơ quan chức năng, các tổ chức và đại diện khu vực tư nhân tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Nửa đầu tiên của tuần thứ hai sẽ được dành để tổ chức hai hội thảo diễn ra tại hai Thành phố khác nhau.

### KẾT QUẢ CHÍNH

Xuất khẩu rau quả của Việt Nam đã tăng lên trong những năm qua và tiếp tục phát triển ở quy mô toàn cầu và hướng tới thị trường EU. Tuy nhiên, năm loài sâu bọ phổ biến ở Việt Nam vẫn đang thuộc danh mục bị cấm tại EU, và đây chính là nguyên nhân của việc phía EU đã từ chối một số lô hàng vào năm 2016. Đặc biệt trong đó, các lô hàng gia vị và rau thơm đã bị phát hiện nhiễm chất cấm trong khi các lô hàng trái cây bị từ chối thì hầu hết đều do không tuân thủ với các quy định về Mức dư lượng tối đa (MRLs) của thuốc trừ sâu.

Trong khi việc nhiễm dịch hại có thể được loại bỏ hiệu quả hoặc giảm đáng kể bằng cách trồng trong nhà kính, việc tuân thủ các yêu cầu nghiêm ngặt của EU về Mức dư lượng tối đa chỉ có thể đạt được nếu việc quản lý thuốc trừ sâu trong nước được thực hiện đúng, đây lại là việc khó có thể đạt được trong ngắn hạn.

Bốn Trung tâm Bảo vệ thực vật, mặc dù đã được trang bị đầy đủ, vẫn chưa thể phát hiện được tất cả các loại thuốc trừ sâu theo yêu cầu của EU và chắc chắn rằng các nhân viên thuộc trung tâm vẫn còn thiếu đào tạo về các bài xét nghiệm này.

Những hạn chế lớn khác cũng đang cản trở việc xuất khẩu sang EU.

Việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm là bắt buộc đối với các nhà xuất khẩu sang EU. Do thực tế là các khu vực trồng trọt bị phân tán trên diện rộng nên việc theo dõi hàng trăm, nếu không phải là hàng ngàn nhà cung cấp có thể là một nhiệm vụ khó khăn đối với một nhà xuất khẩu.

Tuy nhiên hạn chế lớn nhất chính là thiếu một hệ thống quản lý chất lượng bao trùm toàn bộ chuỗi cung ứng thực phẩm tươi sống. Đây chính là một trở ngại lớn đối với hệ thống sản xuất và phân phối lương thực ở Việt Nam, lý do chính của việc thương hiệu hàng Việt Nam có uy tín thấp cũng như việc phải nhập khẩu hàng hóa có giá trị tương đương từ các nước khác (ví dụ như Thái Lan), đồng thời cũng là căn cứ cho việc xuất khẩu sang thị trường EU và các quốc gia khác bị hạn chế.

Việc thiếu các hệ thống đảm bảo chất lượng (như HACCP) dọc theo chuỗi cung ứng thực phẩm tươi sống từ hoạt động sau thu hoạch đến phân phối, thiếu các thiết bị làm lạnh thích hợp (như máy làm lạnh nhanh và kho lạnh tại các nhà máy đóng gói) và các tiêu chuẩn vận chuyển lạnh còn thiếu là những lý do lớn nhất cho việc không đảm bảo được chất lượng cả ở thị trường trong nước và xuất khẩu.

### **1.1 Những khuyến nghị về mặt thể chế**

1. Tiến hành các phân tích chính xác về nhu cầu của các phòng thí nghiệm và kiểm dịch thực vật về trang thiết bị và đào tạo để có thể cung cấp các xét nghiệm cần thiết nhằm phát hiện mức dư lượng tối đa của thuốc trừ sâu theo các quy định của EU.
2. Cung cấp các biện pháp thích hợp nhằm bù đắp khoảng thiếu hụt trong việc phát hiện mức dư lượng MRLs của thuốc trừ sâu, ví dụ như tập huấn dành cho các cơ quan chức năng về an toàn thực phẩm, các phương pháp xét nghiệm theo tiêu chuẩn của EU, các chương trình giám sát dư lượng ở giai đoạn sản xuất
3. Xem xét áp dụng các mức MRLs của Châu Âu, cung cấp danh sách các sản phẩm có thể được chấp nhận và dán mác rõ ràng theo các yêu cầu nhập khẩu của Châu Âu và/hoặc cung cấp danh sách các loại thuốc trừ sâu bị cấm, không phù hợp để sử dụng cho các sản phẩm xuất khẩu sang EU.
4. Hỗ trợ người trồng trong việc lựa chọn đúng sản phẩm, sử dụng đúng cách, bằng cách tổ chức các khóa đào tạo cho nông dân và/hoặc các hội nông dân.
5. Thực hiện Quy trình đảm bảo chất lượng và an toàn sản phẩm đầy đủ bao gồm tất cả các khâu trong chuỗi cung ứng từ khâu sau thu hoạch đến phân phối và bán hàng, đặc biệt đề xuất áp dụng các tiêu chí HACCP
6. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng dây chuyền lạnh bằng cách sửa đổi các tiêu chuẩn vệ sinh và chế biến cần thiết cho việc vận chuyển trái cây và rau tươi (ví dụ như phương pháp ATP)
7. Để giải quyết các vấn đề liên quan đến MRLs, việc đưa ra một Chương trình Giám sát MRLs là chưa đủ, cần tập trung vào việc quản lý sử dụng thuốc trừ sâu an toàn phù hợp với Quy tắc ứng xử quốc tế của FAO về Quản lý an toàn đối với thuốc trừ sâu. Một phần của việc này bao gồm việc phân tích và đánh giá khung pháp lý và khung thể chế hiện hành đối với việc quản lý sử dụng thuốc trừ sâu ở Việt Nam.
8. Cung cấp các khóa đào tạo và các buổi hỗ trợ kiến thức để củng cố năng lực của khu vực tư nhân và khu vực công nhằm giảm thiểu các nguy cơ liên quan đến thuốc trừ sâu và giảm tổng thể việc sử dụng thuốc trừ sâu.
9. Thúc đẩy hợp tác, trao đổi thông tin và kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến quản lý thuốc trừ sâu (bao gồm bảo vệ kiểm tra biên giới và kinh nghiệm kiểm soát chung - chia sẻ tại Việt Nam giữa các Bộ)



10. Cần hỗ trợ thêm cho việc đào tạo năng lực trong lĩnh vực sử dụng hợp lý thuốc trừ sâu ở cấp quốc gia, bao gồm việc huy động các nguồn lực tài chính.
11. Từ khía cạnh thực tế, có thể đề nghị cung cấp hỗ trợ cho việc phân tích nhu cầu của quốc gia về các chương trình đánh giá để tăng cường năng lực quản lý việc sử dụng thuốc trừ sâu trên cơ sở tiếp cận liên ngành và đa bên.
12. Tính then chốt của việc quản lý thuốc trừ sâu an toàn là giám sát tất cả các bước sau khi đăng ký thuốc trừ sâu, bao gồm kiểm soát chất lượng và các hệ thống giám sát buôn bán hàng giả, buôn lậu, có hiệu lực pháp luật hiệu quả.

## **1.2 Khuyến nghị cho khu vực tư nhân**

1. Trước khi bắt đầu xuất khẩu sang EU, hãy thực hiện chính xác các hướng dẫn trong hướng dẫn đính kèm và đảm bảo rằng tất cả các yêu cầu đều có thể được đáp ứng
2. Đảm bảo rằng các sản phẩm được trồng theo tiêu chuẩn GlobalGap
3. Đảm bảo sản phẩm được làm mát nhanh
4. Tiến hành kiểm tra chính xác nguyên liệu theo các tiêu chuẩn SPS và các yêu cầu bắt buộc khác của EU
5. Thiết lập một hệ thống HACCP cho nhà đóng gói và giai đoạn vận chuyển
6. Kiểm soát dây chuyền lạnh
7. Sử dụng phương tiện vận chuyển lạnh càng nhiều càng tốt theo thông lệ quốc tế và Tiêu chuẩn sản xuất tốt

## **2. THÔNG TIN VỀ BỐI CẢNH**

Bộ Công Thương và Phái đoàn Liên minh Châu Âu tại Việt Nam trong năm 2012 đã đưa ra Dự án Hỗ trợ chính sách thương mại và đầu tư Châu Âu (EU-MUTRAP) là sự tiếp nối của các Dự án Hỗ trợ Chính sách Thương mại đa biên (MUTRAP) và một bước chuyển mình quan trọng cho một kỷ nguyên mới và đánh dấu mốc quan trọng cho sự hợp tác giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu.

Dự án được thực hiện trong 5 năm (2012-2017) và đang chuẩn bị đóng lại.

Dự án hoạt động trong khuôn khổ Hiệp định Đối tác và Hợp tác EU - Việt Nam (PCA) và đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (FTA). Vì vậy, ngoài việc hỗ trợ Việt Nam tiếp tục hội nhập vào các hệ thống thương mại toàn cầu, ASEAN và khu vực, một trong những mục tiêu chính của dự án là tăng cường quan hệ thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và EU.

Mục đích chính của dự án là hỗ trợ Việt Nam trong việc tạo thuận lợi cho thương mại và đầu tư quốc tế bền vững thông qua nâng cao năng lực của Bộ Công thương và các cơ quan liên quan để hoạch định chính sách, tư vấn chính sách, đàm phán và thực hiện các cam kết liên quan, đặc biệt đối với EU.

MUTRAP là dự án hỗ trợ kỹ thuật để cải tiến các khuôn khổ chính sách đầu tư với trọng tâm đặc biệt về các vấn đề môi trường và xã hội trong các chính sách và luật pháp liên quan đến thương mại và đầu tư.

EU và Chính phủ Việt Nam đã đồng ý dành nhiều nỗ lực hơn từ EU-MUTRAP cho các dự án do các hiệp hội doanh nghiệp, viện nghiên cứu và các trường đại học thực hiện nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và tiếp cận thị trường nước ngoài cho các sản phẩm của Việt Nam cũng như tiếp tục kêu gọi sự tham gia của khu vực kinh tế tư nhân trong việc xây dựng và thực hiện chính sách thương mại và đầu tư.

EU là một đối tác quan trọng của Việt Nam, do đó mục tiêu chung của EU-MUTRAP là tập trung nhiều hơn vào quan hệ thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và EU.

Dự án có năm hợp phần và kết quả khác nhau bao gồm cải thiện quan hệ thương mại và đầu tư giữa EU và Việt Nam, đàm phán và thực thi Hiệp định thương mại tự do của EU-Việt Nam; tăng cường năng lực đàm phán và thực hiện các cam kết thương mại đa phương và khu vực; cải tiến khuôn khổ đầu tư, với trọng tâm đặc biệt về các vấn đề môi trường và xã hội; tiếp cận thông tin về thương mại và đầu tư quốc tế của Việt Nam, tăng cường sự tham gia của các bên liên quan; hỗ trợ đối thoại giữa EU và Việt Nam trong các lĩnh vực kinh tế của Thỏa thuận Hợp tác và Hợp tác.

Xuất khẩu rau quả của Việt Nam đang gia tăng nhưng họ đang gặp khó khăn trong việc đáp ứng các yêu cầu của EU về các quy định SPS, chất lượng sản phẩm và sự an toàn, kết quả là sản phẩm bị từ chối.

### **3. MÔ TẢ CÔNG VIỆC**

Hoạt động này nhằm mục đích hỗ trợ Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam trong việc tìm hiểu những thiếu sót về các quy định về SPS, các yêu cầu bắt buộc và không bắt buộc đối với an toàn thực phẩm ảnh hưởng đến xuất khẩu sang EU và từ đó xác định các biện pháp giảm nhẹ và giải pháp tại khu vực thể chế và tư nhân các cấp cần được thực hiện để thúc đẩy thương mại.

#### **3.1 Mục tiêu toàn cầu**

Hoạt động này, tạo thành một phần của Hợp phần đầu tiên, nhằm mục đích hỗ trợ các nhà sản xuất và xuất khẩu trái cây và rau quả ở Việt Nam tuân thủ các quy định kỹ thuật về SPS của EU cũng như các tiêu chuẩn không bắt buộc liên quan đến tiếp cận các kênh phân phối cụ thể (bao gồm cả tiêu chuẩn tự nguyện, giấy xác nhận ...) tại thị trường EU.

#### **3.2 Các hoạt động được yêu cầu**

Các nội dung được yêu cầu của nhiệm vụ lần này bao gồm:

- Thực hiện hai cuộc hội thảo, một tại Hà Nội và một ở thành phố Hồ Chí Minh, thảo luận về những hạn chế đang cản trở xuất khẩu của Việt Nam sang EU
- Chuẩn bị một cuốn sách hướng dẫn về các tiêu chuẩn SPS và các yêu cầu của thị trường EU cho trái cây và rau quả, được chia thành ba phần:
- Phần thứ nhất: dành riêng để phân tích các yêu cầu pháp lý và phi pháp lý áp dụng cho sản phẩm trái cây và rau quả xuất khẩu từ Việt Nam phải tuân theo để xuất khẩu sang EU (ví dụ như hạn chế sử dụng thuốc trừ sâu...)
- Phần thứ hai: tập trung vào việc giải thích cấu trúc của hệ thống phân phối Trái cây và Rau quả ở các nước thành viên EU, bao gồm cả các chứng nhận mà phía người mua tại EU (bán sỉ hoặc bán lẻ) có thể đòi hỏi từ các nhà xuất khẩu Việt Nam.

- Phần thứ ba: hướng dẫn các hiệp hội doanh nghiệp / nhà sản xuất thu thập thông tin thông qua các trang websites

#### 4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU DỰ ÁN

Nhiệm vụ này nhằm đánh giá năng lực xuất khẩu của Việt Nam sang EU về rau quả tươi, xác định khoảng thiếu hụt và hướng dẫn các tổ chức và các nhà xuất khẩu nhằm thúc đẩy tăng trưởng thương mại. Một nhiệm vụ nữa là đánh giá hệ thống xuất khẩu, hệ thống kiểm định chất lượng và các hệ thống kiểm định phòng thí nghiệm hiện đang được sử dụng cùng với các đối tượng hưởng lợi của dự án như Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Văn phòng SPS).

Một nhiệm vụ cụ thể hơn là đánh giá khả năng thực hiện các xét nghiệm và phân tích của các phòng thí nghiệm chịu trách nhiệm về kiểm tra chất lượng và an toàn thực phẩm đối với loại sản phẩm dự định xuất khẩu, trình độ kỹ thuật và sự tuân thủ các quy định của EU.

Cụ thể, các hoạt động sau đã được thực hiện:

- Đánh giá việc tuân thủ của các phòng thí nghiệm SSP theo tiêu chuẩn của EU;
- Đánh giá các nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật của quốc gia xuất khẩu đối với các phòng thí nghiệm được sử dụng để kiểm tra và chứng nhận các sản phẩm đó có thể xuất khẩu sang EU;
- Thu thập thông tin về khả năng của các cơ quan hải quan (trung ương) trong việc đưa ra các tài liệu hướng dẫn thúc đẩy xuất khẩu sang EU
- Cung cấp một phân tích chi tiết về việc làm thế nào để giải quyết những khoảng trống thiếu hụt và các khó khăn

Các hoạt động này đã được thực hiện nhờ:

- Tổ chức các cuộc họp với các cơ quan hữu quan và các phòng thí nghiệm được lựa chọn tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh
- Chuyến thăm các cơ sở xuất khẩu
- Báo cáo về các thông tin được yêu cầu, khuyến nghị về các hành động cần thực hiện để giải quyết các khó khăn và vướng mắc;
- Thảo luận về báo cáo và những khuyến nghị với cơ quan thụ hưởng và các bên tham gia dự án trong hai buổi hội thảo

##### 4.1 Lập kế hoạch hoạt động

Các hoạt động này đã được lên kế hoạch hợp tác chặt chẽ với Cục Bảo vệ thực vật, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 149, Hồ Đắc Di, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Chương trình làm việc chi tiết của các buổi làm việc cũng như kế hoạch công tác được trình bày tại **Phụ lục 1**.

Dưới đây là kế hoạch đã được thống nhất của cuộc họp.

## 4.2 Chức năng và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo vệ thực vật, Bộ Nông nghiệp và PTNT

Cục Bảo vệ thực vật được thành lập năm 1961, thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Cục BVTV có những nhiệm vụ sau:

- Công tác quản lý nhà nước về công tác bảo vệ thực vật tại nơi sản xuất
- Công tác quản lý nhà nước về hoạt động kiểm dịch thực vật
- Công tác quản lý nhà nước về đăng ký thuốc BVTV tại Việt Nam

Trụ sở chính của Cục Bảo vệ thực vật đặt tại Hà Nội với 8 bộ phận hoạt động bao gồm Bảo vệ thực vật, Kiểm dịch thực vật, Quản lý và đăng ký thuốc trừ sâu, Kế hoạch, Quan hệ đối ngoại, Kiểm tra và lập pháp, Tài chính và Quản trị. Ngoài ra còn có văn phòng đại diện của Chi cục BVTV tỉnh thành phố Hồ Chí Minh.

### 4.2.1 Mạng lưới Bảo vệ thực vật

Được chia làm 2 cấp là cấp trung ương và địa phương. Cấp trung ương bao gồm Phòng Bảo vệ thực vật và 4 Trung tâm bảo vệ thực vật khu vực nằm ở 4 vùng khác nhau của Việt Nam thuộc Cục BVTV. Các Trung tâm này có trách nhiệm cung cấp hướng dẫn kỹ thuật cho 64 Chi Cục Bảo vệ thực vật cấp tỉnh.

Có 150 nhân viên làm việc tại lĩnh vực này.

Cấp địa phương bao gồm 543 trạm bảo vệ thực vật tại 64 tỉnh thành ở các huyện trong cả nước. Tổng số nhân viên địa phương tham gia vào lĩnh vực này là 3500 nhân viên.

Mạng lưới này có ba nhiệm vụ chính:

- Khảo sát, phát hiện, dự báo và cảnh báo sự xuất hiện của sâu bệnh, phát triển, phân bố và thiệt hại;
- Hướng dẫn thực hiện các biện pháp phòng chống dịch hại;
- Hướng dẫn áp dụng khoa học và công nghệ tiên tiến trong công tác phòng chống dịch hại.

### 4.2.2 Hệ thống kiểm dịch thực vật

Hệ thống kiểm dịch thực vật đã được cải thiện trong những năm gần đây. Cho đến thời điểm này, theo Cục Bảo vệ Thực vật, có 9 Chi cục kiểm dịch thực vật khu vực với 40 Trạm kiểm dịch thực vật nằm tại cảng biên giới đất liền, cảng biển, ga đường sắt và sân bay quốc tế trên cả nước. Ngoài ra, họ còn có Trung tâm kiểm dịch thực vật kỹ thuật và hai trung tâm kiểm dịch thực vật nhập cảnh.

Mục đích của công việc kiểm dịch thực vật là ngăn ngừa sự xuất hiện của dịch hại nguy hiểm từ nước ngoài vào Việt Nam, do đó nhiệm vụ của mạng lưới là như sau:

- Tiến hành kiểm tra sinh vật được kiểm soát;
- Xác định các biện pháp kiểm dịch thực vật phù hợp để điều trị các sinh vật bị sâu bệnh kiểm dịch thực vật;
- Giám sát và xác nhận việc thực hiện các biện pháp kiểm dịch thực vật;

- Khảo sát và giám sát tình trạng dịch hại đối với hạt giống cây trồng nhập khẩu và sản phẩm cây trồng lưu giữ;
- Phát hiện và hỗ trợ xác định dịch hại kiểm dịch thực vật cũng như thực hiện các biện pháp kiểm dịch thực vật.

Hiện có 300 nhân viên đang làm việc tại đây.

Hệ thống kiểm dịch thực vật vùng chịu trách nhiệm kiểm tra các sản phẩm thuộc diện kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật theo thủ tục kiểm dịch thực vật và đáp ứng các yêu cầu kiểm dịch thực vật nhập khẩu và hướng dẫn kỹ thuật đối với kiểm dịch thực vật trong nước cho 61 Chi cục Bảo vệ Thực vật của tỉnh.

Bên cạnh đó còn có hai Trung tâm kiểm dịch thực vật sau thu hoạch và một Phòng kiểm dịch thực vật kỹ thuật để giải quyết các vấn đề kỹ thuật thuộc lĩnh vực kiểm dịch thực vật như xác định các loài sâu bệnh thuộc diện kiểm dịch và thực hiện các nghiên cứu ứng dụng để đáp ứng các công việc kiểm dịch thực vật.

Về tài liệu pháp lý liên quan đến công tác kiểm dịch thực vật, dưới đây là danh sách:

- Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013 là văn bản pháp luật quan trọng nhất trong lĩnh vực kiểm dịch thực vật..
- Nghị định số 31/2016/ND-CP của Chính phủ Việt Nam về việc xử phạt hành chính đối với các trường hợp vi phạm.
- Thông tư 30/2014/TT-BNNPTNT về Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật; Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam, hoàn thiện bằng Quyết định số 2515/QĐ-BNN-BVTV ban hành Bảng mã số HS của danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật của Việt Nam;
- Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT về Quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật
- Thông tư số 35/2014/TT-BNNPTNT về Danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật Việt Nam
- Thông tư số 36/2014/TT-BNNPTNT về quy trình phân tích nguy cơ dịch hại đối với sản phẩm nhập khẩu vào Việt Nam
- Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT về cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể kiểm dịch thực vật
- Thông tư số 35/2015/TT-BNNPTNT về Quy định về kiểm dịch thực vật nội địa

#### **4.2.3 Việc thực thi các tiêu chuẩn quốc tế về bảo vệ thực vật.**

Cho đến nay, Cơ quan Kiểm dịch thực vật Việt Nam đã chịu trách nhiệm thực hiện tất cả các ISPM, trong đó Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều vấn đề như ISPM số 4: Yêu cầu để công nhận các khu vực phi dịch hại, 1996.

Kiến thức về nhân viên về ISPMs còn hạn chế và cần được cải thiện. Ngoài ra, các biện pháp điều trị thích hợp cho sâu bệnh vẫn không thể thực hiện chính xác, đặc biệt là phương pháp điều trị các bệnh do nấm, vi khuẩn và virus gây ra. Năng lực của cán bộ trong việc chẩn đoán / xác định sâu bệnh cần phải được cải thiện cũng như tập trung vào PRA.

Thông tin thêm về Hệ thống kiểm dịch thực vật của Việt Nam có thể tìm thấy tại các địa chỉ sau:

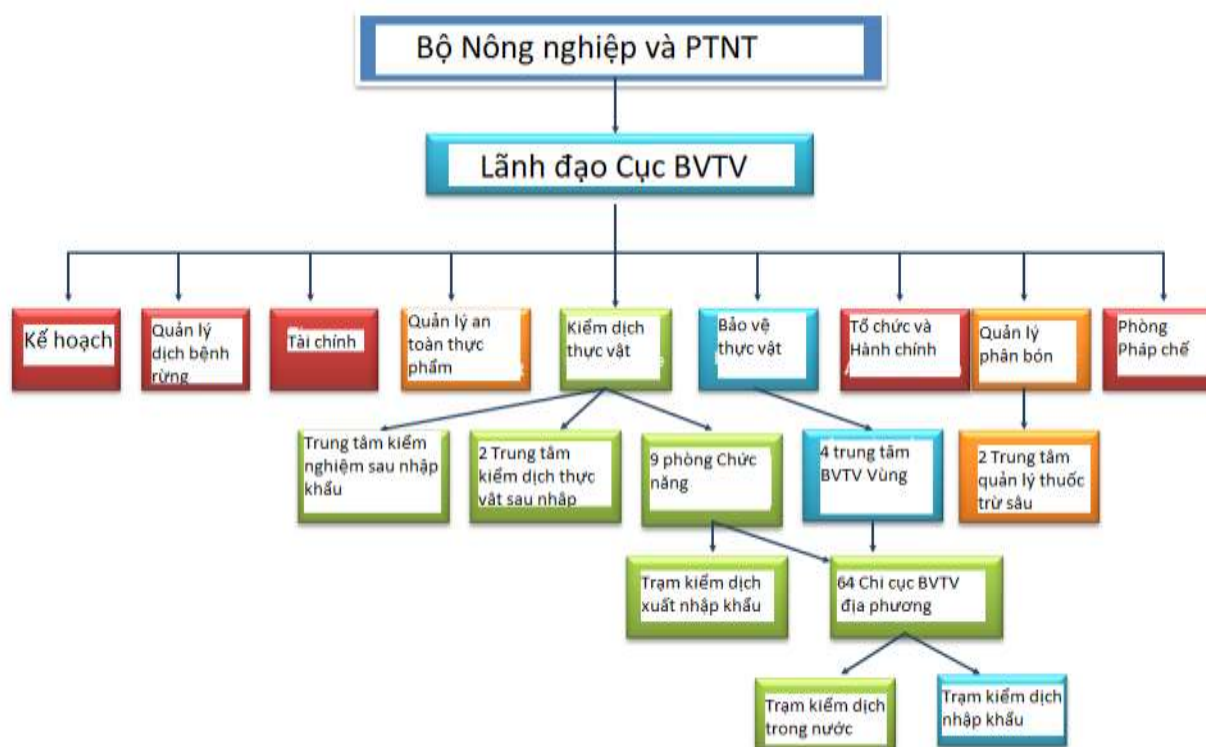
- <http://www.mard.gov.vn>
- <http://www.ppd.gov.vn>

#### 4.2.4 Quản lý thuốc trừ sâu

Kế hoạch quản lý và đăng ký thuốc trừ sâu đã được đưa ra từ năm 1992 để điều chỉnh tất cả các hoạt động liên quan đến thuốc trừ sâu ở Việt Nam. Hiện nay có hai Trung tâm Kiểm soát Thuốc trừ sâu được thành lập tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh, chịu trách nhiệm phân tích và thử nghiệm thuốc trừ sâu mới trước khi đăng ký và xác định dư lượng trong sản phẩm nông nghiệp.



### Sơ đồ tổ chức



Hình 1: Sơ đồ tổ chức của Cục BVTV - MARD

#### 4.3 Chức năng và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kiểm định và Quản lý thuốc bảo vệ thực vật phía Bắc

Phòng Quản lý Thuốc trừ sâu tại Cục Bảo vệ thực vật có nhiệm vụ đánh giá các khía cạnh kỹ thuật của hồ sơ của công ty thuốc trừ sâu và phụ trách các thử nghiệm thực địa hiệu quả sinh học cũng như đánh giá mức MRL của thuốc trừ sâu trong các sản phẩm hoàn chỉnh do các nhà sản xuất đưa ra.

#### **4.3.1 Danh mục trái cây và rau quả tươi xuất khẩu sang EU**

- ✓ Thanh long
- ✓ Nhãn
- ✓ Dưa hấu
- ✓ Xoài
- ✓ Dừa
- ✓ Chanh
- ✓ Chuối

Danh sách rau quả

- ✓ Các loại rau thơm
- ✓ Húng quế
- ✓ Ngò
- ✓ Cần tây
- ✓ Ớt
- ✓ Mướp đắng

#### **4.3.2 Sản phẩm trái cây xuất khẩu đã chế biến**

- ✓ Cà phê uống liền
- ✓ Chuối khô
- ✓ Các sản phẩm khác



*Hình 2: Trung tâm kiểm định và quản lý thuốc BVTV phía Bắc*

### 4.3.3 Chương trình công nhận phòng thí nghiệm

Công nhận phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn là nhằm đánh giá độc lập về khả năng của các phòng thí nghiệm trong việc thực hiện các hoạt động cụ thể để đảm bảo sự khách quan và khả năng của những cơ quan này. Thông qua việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế, chính phủ, nhà thầu và người tiêu dùng có thể tin tưởng vào việc hiệu chuẩn và kết quả kiểm tra, các báo cáo kiểm tra và các chứng nhận được cung cấp.

Có hai phòng thí nghiệm được công nhận, cả hai đều thuộc sở hữu nhà nước, một ở miền Bắc và một ở Nam gọi là hai Trung tâm Kiểm định và quản lý Thuốc BVTV thuộc Cục Bảo vệ thực vật.

Hai phòng thí nghiệm này đều được công nhận theo Tiêu chuẩn ISO 17025 nhưng điều đó không có nghĩa là hai cơ quan này có đủ khả năng để thực hiện các xét nghiệm theo quy định của EU. Việc công nhận được đưa ra dựa trên các phương pháp và tiêu chuẩn kiểm tra (tại EU tiêu chuẩn phổ biến nhất là các tiêu chuẩn ISO).

### 4.3.4 Các cơ quan chính thức có thẩm quyền công nhận phòng thí nghiệm

Hiện chưa có một cơ quan chính thức nào được trao trách nhiệm công nhận các phòng thí nghiệm dựa theo các tiêu chuẩn cụ thể.

### 4.3.5 Nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật

Trung tâm Kiểm định và Quản lý thuốc bảo vệ thực vật đã xác định ba nhu cầu khác nhau bao gồm:

- Tăng cường năng lực cho cán bộ về an toàn thực phẩm
- Các phương pháp thử nghiệm trong phòng thí nghiệm
- Chương trình giám sát dư lượng tập trung vào giai đoạn sản xuất

Các khóa tập huấn này nên dành cho cả Bộ Nông nghiệp và khu vực tư nhân.

Trung tâm Quản lý thuốc bảo vệ thực vật đã chuẩn bị một đề xuất dự án nhằm giải quyết những vấn đề liên quan đến việc sử dụng hợp lý các loại thuốc bảo vệ thực vật trong nông nghiệp tại Việt Nam. Một bản sao của đề xuất, gửi đến EU để xin hỗ trợ kinh phí, được đính kèm làm **Phụ lục 2: Đề xuất dự án**.

Đề xuất này không có tham chiếu đến việc áp dụng cơ sở dữ liệu thuốc trừ sâu phù hợp với các tiêu chuẩn của EU và không đề cập đến việc sử dụng thuốc trừ sâu an toàn phù hợp với Quy tắc ứng xử quốc tế của FAO về Quản lý việc sử dụng thuốc trừ sâu an toàn, một trong những vấn đề lớn nhất đang tồn tại tại quốc gia này. (xem thêm **Phụ lục 3: Quy tắc ứng xử quốc tế về Quản lý việc sử dụng thuốc trừ sâu an toàn**).

## 4.4 Cuộc họp với các đơn vị thuộc Cục Bảo vệ thực vật (PQSQ, Trung tâm kiểm dịch sau nhập khẩu, Công tác kiểm tra dư lượng thuốc trừ sâu của Cục BVTV)

Danh sách các loại trái cây tươi và rau quả chế biến cho xuất khẩu sang EU đã được cung cấp và báo cáo dưới đây:

*Các sản phẩm đã qua chế biến (trái cây và rau.)*



Nước chanh, nước dứa, bột gừng, nước dừa, trái cây khô, ngô đóng hộp, dưa leo đóng hộp, nước ép táo, nấm đóng hộp, hoa quả khô, tỏi chiên, khoai tây sấy khô, ớt bột, bột curcuma, bột chanh, nước ép xoài, đu đủ sấy khô.

#### *Hoa quả tươi*

Vòi, thanh long, xoài, dứa, dứa, chôm chôm, đu đủ, chuối, dưa, táo sao, ổi, quả mít, sầu riêng, anh đào, nhãn, vải.

#### *Rau quả tươi*

Ngô tươi, khoai môn, nấm, dâu tây, đậu nành, nấm, ớt, gia vị, khoai lang, cà chua, gừng, tre, nấm Curcuma, sắn, rau muống, đậu ...

### Trái cây tươi và rau quả xuất khẩu sang EU được xếp loại Nguy cơ cao

Có năm loại sâu bệnh tấn công rau, rất phổ biến ở Việt Nam và bị cấm ở EU, cần phải được loại bỏ trước khi vận chuyển:

- *Liriomyza* spp
- *Thrips* sp.
- *Bemisia tabaci*
- *Bactrocera* complex
- *Xanthomonas campestris*

Hầu hết các giống bị ảnh hưởng đều là ớt và rau thơm.

Điều này đạt được bằng cách trồng trong nhà kính và giữ cho sản phẩm riêng biệt trong quá trình vận chuyển và đóng gói.



*Hình 3: Thrips palmi (Thripidae – Bộ Thysanoptera)*



*Hình 4: Nhà kính của Công ty Trái cây hiếm Exotic Fruit Company greenhouse*

Một số hạn chế ảnh hưởng đến sản xuất trái cây và rau tươi xuất khẩu sang EU, như::

Sự thiếu liên kết giữa nhà xuất khẩu và nhà sản xuất để đảm bảo rằng các nguyên liệu này đáp ứng các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm của EU. Điều này đặc biệt nghiêm trọng, bắt đầu từ hoạt động sau thu hoạch đến tiếp thị, vì không có kế hoạch thực sự để đảm bảo an toàn thực phẩm và chất lượng được đặt ra

#### **4.5 Nghiên cứu thực tế: CÔNG TY TNHH MTV SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI ANH NHÂN (ANPRO CO, LTD)**

Công ty này đang xuất khẩu một số loại rau thơm sang Pháp vào thị trường ngách, nói cách khác là các nhà hàng Việt Nam.

Họ trồng các loại thảo mộc trong nhà kính xây dựng theo tiêu chuẩn của EU.



*Hình 5: Nhà kính của công ty trồng rau xuất đi EU*

Sản phẩm được làm mát và vận chuyển đến nhà đóng gói trong một chiếc xe tải làm lạnh.

Khu đóng gói được chứng nhận theo tiêu chuẩn HACCP của Bộ Thực phẩm và Thuốc Hoa Kỳ (US FDA).



*Hình 6: Quy trình làm sạch sản phẩm*



*Hình 7: Sản phẩm đã đóng gói giữ trong ngăn lạnh*



## GIẤY CHỨNG NHẬN VietGAP VietGAP CERTIFICATE

**TRUNG TÂM CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM THỦY SẢN VÙNG 5**  
National Agro-Forestry-Fisheries Quality Assurance Department-Branch 5  
Mã số/Auditor Registration Code: VietGAP-TT-14-01

### CHỨNG NHẬN HEREBY CERTIFIES THAT

**Cơ sở: CÔNG TY TNHH MỸ SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI ANH NHÂN**

**Địa chỉ/Address:** số 42/3E, ấp 4, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh /  
No. 42/3E, hamlet 4, Xuan Thoi Thuong commune, Hoc Mon district, Ho Chi Minh City.

**Điện thoại/Telep** (+84) 028 39487176.

**Email/Website:** info@anhnhan.com

**Mã số chứng nhận** GAP/ Certificate Registration Code: VietGAP-TT-14-01-79-0001

**Địa điểm sản xuất/Location of farm:** số 151/27 Nguyễn Thị Nè, ấp Cây Trâm, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh / No.151/27 Nguyen Thi Ne, Cay Tram hamlet, Phu Hoa Dong commune, Cu Chi district, Ho Chi Minh City.

**Tên sản phẩm/Product or Product Group:** Rau (rau muống, rau dền, mồng tơi, rau dlay, rau lang, rau bí, húng quế, húng cây, hương nhu, quế trắng, tía tô, kinh giới, ngò gai, rau răm, cần tây, ngò ri, ớt, khổ qua, bí đao, mướp, bầu) / Vegetables

**Diện tích sản xuất/Production area:** 03 ha

**Sản lượng dự kiến/Production:** 250 tấn/năm / 250 tons/year

Chứng nhận sản phẩm rau được sản xuất phù hợp Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) ban hành kèm theo Quyết định số 379/QĐ-BNN-TT ngày 28 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn / Vietnamese Good Agricultural Practices for Vegetables, compliance with Decision No.379/QĐ-BNN-TT issued on January 28<sup>th</sup> 2008 by Minister of Ministry of Agriculture and Rural Development.

**Giấy chứng nhận có hiệu lực từ ngày 25/5/2017 đến ngày 24/5/2019/ This certificate is valid from May 25<sup>th</sup> 2017 to May 24<sup>th</sup> 2019**

Cà Mau, ngày 25 tháng 5 năm 2017

Cà Mau, May 25<sup>th</sup> 2017

**KIỂM ĐỌC/ DIRECTOR**



**Ngô Văn Đám**

Quyết định chứng nhận số 104/QĐ-TTCL5, ngày 25/5/2017  
Certificate Decision No. 104/QĐ-TTCL5, May 25<sup>th</sup> 2017


**TRUNG TÂM CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM THỦY SẢN VÙNG 5**

Địa chỉ: 57 Phan Ngọc Hiển, phường 6, thành phố Cà Mau, Cà Mau, Việt Nam

Điện thoại: (+84) 780 3567513 ; Fax: (+84) 780 3830062; Email: [branch5.nafq@nafq.gov.vn](mailto:branch5.nafq@nafq.gov.vn); Website: [www.nafqad5.gov.vn](http://www.nafqad5.gov.vn)

Công ty này được xác nhận theo tiêu chuẩn VietGap

Hình 8: Giấy chứng nhận VietGap

BỘ NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MINISTRY OF AGRICULTURE & RURAL DEVELOPMENT CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT PLANT PROTECTION DEPARTMENT		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc INDEPENDENCE - FREEDOM - HAPPINESS		
<b>GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT</b> <b>PHYTOSANITARY CERTIFICATE</b>				
Gửi: Cơ quan Bảo vệ thực vật nước TO: THE PLANT PROTECTION ORGANIZATION(S) OF GERMANY			Số (No) 093353 / 17 / 020	
<b>DIỄN GIẢI VỀ LÔ HÀNG (DESCRIPTION OF CONSIGNMENT)</b>				
<b>1. Tên và địa chỉ người xuất khẩu:</b> <small>NAME AND ADDRESS OF THE EXPORTER</small> NEUMANN GRUPPE VIETNAM LTD ROAD 05, AN PHUOC INDUSTRIAL ZONE, LONG THANH DISTRICT, DONG NAI PROVINCE, VIETNAM		<b>5. Nơi sản xuất:</b> <small>PLACE OF ORIGIN</small> SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM		
<b>2. Tên và địa chỉ người nhận:</b> <small>DECLARED NAME AND ADDRESS OF THE CONSIGNEE</small> TO ORDER		<b>6. Phương tiện chuyên chở:</b> <small>DECLARED MEANS OF CONVEYANCE</small> BY SEA: NYK ORION / 049W BILL NO.: MOLU15457123883		
<b>3. Số lượng và loại bao bì:</b> <small>NUMBER AND DESCRIPTION OF PACKAGES</small> 05 BULK		<b>7. Cửa khẩu nhập:</b> <small>DECLARED POINT OF ENTRY</small> HAMBURG, GERMANY		
<b>4. Ký, mã hiệu:</b> SEE BILL OF LADING <small>DISTINGUISHING MARKS</small>		<b>8. Tên và khối lượng sản phẩm:</b> <small>NAME OF PRODUCE AND QUANTITY DECLARED</small> "VIETNAM ROBUSTA COFFEE N.W: 108.000 MTS G.W: 108.050 MTS"		
		<b>9. Tên khoa học của thực vật:</b> <small>BOTANICAL NAME OF PLANTS</small> Coffea robusta		
Nay chứng nhận rằng thực vật, sản phẩm thực vật hoặc vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật khác nêu trên đã được kiểm tra và/hoặc thử nghiệm theo quy trình thích hợp và được coi là không có đối tượng kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu cũng như phù hợp với yêu cầu kiểm dịch thực vật hiện hành của nước nhập khẩu. <small>This is to certify that the plants, plant products or other regulated articles described herein have been inspected and/or tested according to appropriate official procedures and are considered to be free from the quarantine pests, specified by the importing contracting party and to conform with the current phytosanitary requirements of the importing contracting party.</small>				
<b>KHAI BÁO BỔ SUNG (ADDITIONAL DECLARATION)</b> NIL				
<b>XỬ LÝ (DISINFESTATION AND / OR DISINFECTION TREATMENT)</b>				
<b>10. Ngày (DATE):</b> NIL		<b>12. Tên thuốc (hoạt chất):</b> <small>CHEMICAL (ACTIVE INGREDIENT)</small> NIL		<b>14. Thời gian và nhiệt độ:</b> <small>DURATION AND TEMPERATURE</small> NIL
<b>11. Phương pháp xử lý (TREATMENT):</b> NIL		<b>13. Nồng độ (CONCENTRATION):</b> NIL		<b>15. Thông tin thêm (ADDITIONAL INFORMATION):</b> NIL
<b>16. Dấu của cơ quan</b> <small>STAMP OF ORGANIZATION</small>		<b>17. Nơi cấp giấy:</b> <small>PLACE OF ISSUE</small> HO CHI MINH CITY		<b>19. Tên, chữ ký của cán bộ Kiểm dịch thực vật có thẩm quyền</b> <small>NAME AND SIGNATURE OF AUTHORIZED OFFICER</small>  PHAM TIEN THINH VICE DIRECTOR
		<b>18. Ngày cấp:</b> <small>DATE ISSUED</small> OCT 04 2017		
<small>Cục Bảo vệ thực vật hoặc viên chức Kiểm dịch thực vật của Việt Nam không có trách nhiệm nào về mặt tài chính liên quan đến giấy chứng nhận này.          No financial liability with respect to this certificate shall attach to Plant Protection Department of Vietnam or to any of its officers or representatives).</small>				

Scanned by CamScanner

Hình 9: Chứng nhận kiểm dịch thực vật

TRUNG TÂM CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM THỦY SẢN VÙNG 5  
NATIONAL AGRO-FORESTRY-FISHERIES QUALITY ASSURANCE DEPARTMENT - BRANCH 5



VICAS 033-FSMS



## GIẤY CHỨNG NHẬN CERTIFICATE

Số/No.: NAF15 056-HACCP/17

Chứng nhận hệ thống HACCP của/  
Certify that the HACCP System of:

**CÔNG TY TNHH MTV SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI ANH NHÂN**  
ANH NHAN LIMITED TRADING PRODUCTION COMPANY LIMITED

Địa chỉ/Address: 42/3E, ấp 4, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh,  
Việt Nam  
42/3E, hamlet 4, Xuan Thai Thuong commune, Hoc Mon district, Ho Chi Minh city,  
Vietnam

Cho lĩnh vực hoạt động/For the following activities:

### CHẾ BIẾN RAU QUẢ TƯƠI

Processing of Fresh Vegetable and Fruit Products

Đã được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn/  
Has been assessed and found to conform with the requirements of the following standard:

**TCVN 5603 : 2008**  
**CAC/RCP 1-1969, Rev. 4-2003**  
**U.S. FDA HACCP rules in 21 CFR Part 123**

Giấy chứng nhận có giá trị từ ngày/ This certificate is valid from :  
12/8/2017 đến/to : 11/8/2020



GIÁM ĐỐC  
DIRECTOR OF NAFIQAD 5

Ngô Văn Đám

Ngày cấp/Date issued: 02/08/2017 (Quyết định số/Decision No: 204/QĐ-TS/17)  
TRUNG TÂM CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM THỦY SẢN VÙNG 5  
Địa chỉ: 57 Phan Ngọc Hiển, Phường 6, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam  
Điện thoại: 0290.3835169, 0290.3838268, Fax: 0290.3830063, Email: bmcch5.nafiqad@mard.gov.vn

Scanned by CamScanner

Hình 10: Chứng nhận HACCP

### Ghi chú

Mặc dù công ty đã tuân thủ các quy trình quốc tế và nhận được các chứng nhận cần thiết, nhưng việc tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng và các Thực tiễn sản xuất tốt không được thực hiện một cách đầy đủ và chặt chẽ. Trong điều kiện như vậy, công ty chỉ có thể xuất khẩu sang thị trường nhánh của EU, thị trường nhỏ vốn đòi hỏi thấp hơn một người tiêu dùng tiêu chuẩn ở châu Âu.

## 4. HAI HỘI THẢO

Hai cuộc hội thảo đã được tổ chức bởi Bộ Nông nghiệp, một tại thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 9 tháng 10 và một hội thảo vào ngày 11. Tham dự có các cán bộ đến từ Viện nghiên cứu, cơ quan nhà nước và đại diện của khu vực tư nhân.

Chuyên gia quốc tế đã chuẩn bị bốn bài trình bày về các khía cạnh an toàn và chất lượng thực phẩm sau khi thu hoạch, làm mát sản phẩm, đóng gói, lưu trữ và vận chuyển bao gồm:

- Yêu cầu của người tiêu dùng về Trái cây tươi và Rau ở Châu Âu
- An toàn thực phẩm và kiểm soát chất lượng theo các tiêu chuẩn của EU
- Hiệp định ATP
- Các yêu cầu về chất lượng và an toàn thực phẩm của EU về trái cây và rau quả (Các văn bản pháp luật)

Các bài trình bày đã được hoàn thành đi kèm với một bộ hình ảnh cho thấy các tiêu chuẩn chất lượng cần thiết để có thể cạnh tranh trên thị trường EU và các quy định quan trọng nhất của EU về vấn đề này.

Các vấn đề khác, bao gồm hầu hết các yêu cầu tuân thủ kiểm dịch thực vật ở Việt Nam, đã được các chuyên gia địa phương thảo luận.

Các bài thuyết trình được đính kèm tại **Phụ lục 4: Các bài thuyết trình**

## 5. THÔNG TIN VỀ THUẬN LỢI HÓA THƯƠNG MẠI VÀO EU

### 5.1 Bộ phận hỗ trợ xuất khẩu

Các nhà xuất khẩu của Việt Nam cần biết đến các nguồn hỗ trợ miễn phí do Ủy ban Châu Âu cung cấp để hỗ trợ thương nhân từ các quốc gia ngoài EU xuất khẩu sản phẩm của họ sang EU.

Trang web [EU Export Helpdesk](http://EUExportHelpdesk) là một công cụ hữu ích và hiệu quả để tìm hiểu về các yêu cầu của từng mặt hàng cụ thể.

Trang web 'Export Helpdesk' cung cấp các thông tin về hệ thống thuế quan của EU, các yêu cầu, sắp xếp ưu đãi, hạn ngạch xuất khẩu ảnh hưởng đến các cơ sở kinh doanh tại các quốc gia đang phát triển.

Từ trang chủ: <http://exporthelp.europa.eu> các nhà xuất khẩu cần nhập thông tin vào các ô tìm kiếm, bao gồm mã CN (còn được gọi là mã sản phẩm, các mã số sản phẩm này cũng có thể tìm thấy bằng cách truy cập vào Mục "Find my product code"), quốc gia xuất xứ (ví dụ Việt Nam), quốc gia nhập khẩu sản phẩm trên và ngày tháng liên quan. Sau khi ấn vào nút 'Search', một trang web sẽ hiện ra cùng với các thông tin có liên quan mà nhà xuất khẩu cần biết.

Mã CN	Sản phẩm
0802 31 00 0802 32 00	Hạt óc chó, tươi hoặc sấy khô, đã hoặc chưa bóc vỏ
0813 0813100000	Trái cây khô Mơ khô
0710 22	Đậu
04090000	Mật ong

Để tìm kiếm các yêu cầu cho việc xuất khẩu mật ong từ Việt Nam sang Đức, trong trang chủ, bạn sẽ chọn Mục “My export” ở Danh mục phía bên trái. Khi vào đến trang đó, bạn cần nhập các thông tin bao gồm mã sản phẩm, quốc gia xuất xứ và quốc gia nhập khẩu:

Trang tiếp theo sẽ cung cấp cho bạn các đường dẫn đến các yêu cầu cần thiết:

**My export**

Requirements | **Tariffs** | Rules of Origin GSP Plus | Statistics

04090000 - From Kyrgyzstan / To Germany

Code	Product Description
<a href="#">04</a>	DAIRY PRODUCE; BIRDS' EGGS; NATURAL HONEY; EDIBLE PRODUCTS OF ANIMAL ORIGIN, NOT ELSEWHERE SPECIFIED OR INCLUDED
<a href="#">0409</a>	Natural honey

**Specific requirements for 04090000**

- [Control of contaminants in foodstuffs](#)
- [Control of pesticide residues in plant and animal products intended for human consumption](#)
- [Control of residues of veterinary medicines in animals and animal products for human consumption](#)
- [Health control of products of animal origin for human consumption](#)
- [Health control of products of animal origin not intended for human consumption](#)
- [Traceability, compliance and responsibility in food and feed](#)
- [Labelling for foodstuffs](#)
- [Voluntary - Products from organic production](#)

**Internal Taxes**

	Rate	Notes	Revision Date
VAT	7%	<a href="#">Germany, EU</a>	01/01/2017
Excise	-	<a href="#">Germany, EU</a>	01/11/2016

Thông tin được cung cấp theo yêu cầu cụ thể không chỉ áp dụng cho một sản phẩm cụ thể. Chẳng hạn, bằng cách nhấp vào “Control of contaminants in foodstuffs” (“Kiểm soát các chất gây ô nhiễm trong thực phẩm”), một bản tóm tắt về các quy định luật pháp cụ thể của EU trong lĩnh vực này được trình bày.



Các đường dẫn về hệ thống luật pháp của EU được cập nhật thường xuyên sẽ được cung cấp cũng như danh sách các cơ quan có thẩm quyền trong lĩnh vực cụ thể này.

Đôi khi trang web này cũng cung cấp thông tin về quy trình, thủ tục của từng quốc gia (xem ví dụ: “Voluntary – Products from organic production”/“Tự nguyện - Sản phẩm hữu cơ”, “Additional information for Germany”/“Thông tin bổ sung về nước Đức”).

Các liên kết tới các nguồn thông tin bổ sung trong một khu vực nhất định cũng thường được bao gồm. Thông tin về chính sách thuế nội bộ, tuy khác nhau ở mỗi quốc gia thành viên, cũng được cung cấp.

## **5.2 Các yêu cầu an toàn áp dụng cho xuất khẩu trái cây và rau quả tươi sang EU**

Những yêu cầu này bao gồm các quy tắc mà các nhà xuất khẩu từ Việt Nam cần phải biết, liên quan đến hàm lượng chất gây ô nhiễm trong thực phẩm cho các sản phẩm ở thị trường EU và mức độ dư lượng tối đa cho phép đối với một số loại thuốc trừ sâu nhất định.

Để bảo đảm duy trì mức độ bảo vệ người tiêu dùng cao, thực phẩm nhập khẩu vào EU phải tuân thủ luật pháp của EU nhằm đảm bảo thực phẩm được đưa ra thị trường an toàn để ăn và không chứa chất gây ô nhiễm ở mức độ có thể đe dọa đến sức khỏe con người. Chất gây ô nhiễm có thể có trong thực phẩm do kết quả của các giai đoạn khác nhau trong sản xuất, đóng gói, vận chuyển hoặc giữ, hoặc cũng có thể là do ô nhiễm môi trường.

Quy định (EEC) số 315/93 quy định về hàm lượng của các chất gây ô nhiễm trong thực phẩm ở EU.

Trong một số mục phần có liên quan, Quy định này đã chỉ ra rằng:

- Thực phẩm chứa chất gây ô nhiễm ở mức không thể chấp nhận được theo quan điểm y tế công cộng và đặc biệt ở mức độ độc hại sẽ không được đưa vào thị trường Châu Âu và sẽ bị từ chối;
- Hàm lượng chất gây ô nhiễm sẽ được giữ ở mức thấp nhất có thể đạt được sau khi thực thi các hoạt động tốt được khuyến cáo; và
- Có thể thiết lập mức tối đa cho một số chất gây ô nhiễm nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Quy định (EC) số 1881/2006 quy định hàm lượng tối đa đối với một số chất gây ô nhiễm trong thực phẩm được đưa vào thị trường EU. Các mục có thể liên quan đến các nhà xuất khẩu trái cây tươi, trái cây đã chế biến và các loại hạt của Việt Nam là các Phần 1, 2 và 3 của Phụ lục của Quy định này. Phần 1 giới hạn hàm lượng nitrate trong rau diếp, rau bina và thức ăn trẻ em. Mục 2 đặt ra các giới hạn đối với các chất độc khác nhau trong các loại quả khác như đậu phộng, quả hạch, trái cây khô (kể cả trái cây sấy khô) và các sản phẩm chứa các loại quả này, nước trái cây. Phần 3 quy định giới hạn đối với các loại kim loại nặng khác nhau, trong đó có trái cây.

**Phụ lục 5. Quy định của Ủy ban EU (EC) Số 1881/2006 ngày 19/12/2006 quy định mức giới hạn tối đa đối với một số chất ô nhiễm trong thực phẩm.**

### **Mức dư lượng tối đa**

Quy định số 396/2005 đặt ra một bộ quy tắc hài hòa đầy đủ về mức dư lượng thuốc trừ sâu của EU (sau đây gọi là MRLs) trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. Hoạt động nhập khẩu các sản phẩm thực vật và động vật phải tuân thủ các mức MRL do Ủy ban châu Âu quy định để bảo vệ người tiêu dùng khỏi việc tiếp xúc với hàng hóa chứa mức dư lượng thuốc trừ sâu quá mức cho phép.

Phụ lục của Quy định số 396/2005 quy định danh mục các sản phẩm chịu sự kiểm soát và mức dư lượng tối đa dành cho chúng.

Các Phụ lục được sắp xếp như sau:

- Phụ lục I thiết lập một danh sách các sản phẩm chịu sự kiểm soát về mức dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, bao gồm các sản phẩm từ động vật, trái cây, rau quả, ngũ cốc, gia vị và các loại thực vật có thể sử dụng làm thực phẩm;
- Phụ lục II bao gồm danh sách các mức dư lượng tối đa của EU;
- Phụ lục IV cung cấp danh sách các loại thuốc bảo vệ thực vật không có quy định mức dư lượng tối đa do mức rủi ro nguy hiểm thấp;
- Phụ lục V bao gồm danh sách các loại thuốc trừ sâu có mức dư lượng tối đa được quy định cao hơn mức 0.01 milligrams cho 1 kg;
- Phụ lục VII bao gồm danh sách các loại thuốc trừ sâu được sử dụng làm chất khử trùng mà các quốc gia thành viên EU cho phép áp dụng như trường hợp ngoại lệ trước khi sản phẩm được đưa ra thị trường.

Thông tin thêm về các chất và mức dư lượng tối đa được đưa vào danh sách các Phụ lục II, III và IV có trên trang web Cơ sở dữ liệu về Thuốc trừ sâu của EU.<sup>1</sup>

### **Quy tắc ghi nhãn bắt buộc đối với sản phẩm thực phẩm ở EU**

Thông tin chi tiết về ghi nhãn sản phẩm được ghi trong Quy định EC 1169/2011. Đối với sản phẩm trái cây tươi và rau quả các thông tin sau đây là bắt buộc:

1. Tên và địa chỉ của người đóng gói và người vận chuyển
2. Tên của sản phẩm (Nếu như sản phẩm không thể nhìn rõ từ bên ngoài bao bì)
3. Quốc gia xuất xứ
4. Loại và kích cỡ (liên quan đến các tiêu chuẩn tiếp thị)
5. Số lô để truy xuất nguồn gốc

Những chi tiết này phải xuất hiện trên bao bì hoặc trên nhãn gắn liền với thực phẩm đóng gói sẵn. Trong trường hợp thực phẩm đóng gói sẵn dành cho nhân viên phục vụ ăn uống hàng loạt (thực phẩm được bán với số lượng lớn), các thông tin ghi nhãn bắt buộc phải xuất hiện trên các tài liệu thương mại trong khi tên của nó được bán, hạn sử dụng hoặc sử dụng đến ngày nào và tên của nhà sản xuất phải xuất hiện trên bao bì bên ngoài.

### **Các quy tắc ghi nhãn đặc biệt áp dụng cho sản phẩm thực phẩm trong EU**

Tất cả thực phẩm được bán trên thị trường EU đều phải tuân thủ các quy tắc ghi nhãn nhất định để đảm bảo rằng người tiêu dùng có được tất cả các thông tin cần thiết để đưa ra các lựa chọn hợp lý. Có những quy tắc chung về ghi nhãn thực phẩm, cũng như các quy định cụ thể liên quan đến ghi nhãn:

- Thực phẩm biến đổi gen và thực phẩm mới xuất hiện;
- Thực phẩm cho các mục đích dinh dưỡng đặc biệt;
- Phụ gia thực phẩm và hương liệu; và
- Các vật liệu được sử dụng để tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Danh mục đầy đủ các chỉ tiêu và quy định về đóng gói tại EU có thể tìm thấy ở liên kết dưới đây:

[http://exporthelp.europa.eu/thdapp/taxes/show2Files.htm?dir=/requirements&reporterId1=EU&file1=e hir\\_eu14\\_03v001/eu/main/req\\_iblpack\\_eu\\_010\\_0612.htm&reporterLabel1=EU&reporterId2=CY&file2=e hir\\_cy14\\_03v001/cy/main/req\\_iblpack\\_cy\\_010\\_0612.htm&reporterLabel2=C](http://exporthelp.europa.eu/thdapp/taxes/show2Files.htm?dir=/requirements&reporterId1=EU&file1=e hir_eu14_03v001/eu/main/req_iblpack_eu_010_0612.htm&reporterLabel1=EU&reporterId2=CY&file2=e hir_cy14_03v001/cy/main/req_iblpack_cy_010_0612.htm&reporterLabel2=C)

<sup>1</sup><http://ec.europa.eu/food/plant/pesticides/eu-pesticides-database/public/?event=homepage&language=EN>

## 6. CÁC KẾT QUẢ CHÍNH

### 6.1 Vấn đề vi phạm an toàn thực phẩm nghiêm trọng tại Việt Nam

Trong năm nay, (Tháng 4/2017), một báo cáo do Ngân hàng Thế giới và các đối tác khác thực hiện theo yêu cầu của Chính phủ Việt Nam về an toàn thực phẩm đã được công bố.

"Báo cáo đã nêu rõ rằng an toàn thực phẩm đang là mối quan tâm cấp bách của cộng đồng và nói rằng việc lạm dụng các sản phẩm đầu vào nông nghiệp cao như kháng sinh, thuốc trừ sâu và phân bón hóa học cũng như thiếu khả năng truy xuất nguồn gốc và lây nhiễm chéo là vài trong số những yếu tố chính đe dọa an toàn thực phẩm của Quốc gia. Trong số những thách thức lớn nhất đối với việc đảm bảo thực phẩm an toàn, việc thay đổi thói quen tập quán của hàng triệu nhà sản xuất thực phẩm nhỏ rải rác khắp cả nước cũng đang là vấn đề chính. Các tác giả nhấn mạnh rằng mặc dù Việt Nam đã có một khung pháp luật về an toàn thực phẩm hiện đại, nhưng cần phải có nhiều cách tiếp cận tập trung vào kết quả hơn và dựa vào đánh giá rủi ro để thúc đẩy việc đảm bảo an toàn thực phẩm của đất nước."<sup>2</sup>

Việc sử dụng thuốc trừ sâu là một vấn nạn rất quan trọng trong vấn đề đảm bảo an toàn thực phẩm và phải có sự kiểm soát và quản lý sử dụng hợp lý, bao gồm các vấn đề liên quan đến pháp lý, các điểm phân phối và áp dụng hợp lý. Các hướng dẫn về quản lý thuốc trừ sâu được FAO công nhận thường xuyên trong một văn bản gọi là "Quy tắc ứng xử quốc tế về Quản lý Thuốc trừ sâu" và mọi quốc gia cần áp dụng điều này.

Tình hình hiện nay có ảnh hưởng lớn đến uy tín của các sản phẩm thực phẩm của Việt Nam, đe dọa đến sức khỏe con người và hạn chế tiềm năng xuất khẩu.

- **Kiến thức bên lề:** các phòng thí nghiệm có ít kinh nghiệm trong việc áp dụng các tiêu chuẩn của EU (chủ yếu là ISO và những tiêu chuẩn khác) và các phương pháp khác, ngay cả các phòng thí nghiệm đã được công nhận. Họ có nhiều kinh nghiệm áp dụng các quy định khác (ví dụ như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc), điều này không thể hoàn toàn phù hợp với các quy định của EU.

Tiêu chuẩn ISO là một trong những tiêu chuẩn phổ biến nhất để thử nghiệm các sản phẩm thực phẩm ở Châu Âu. Chúng thường được hài hòa với các tiêu chuẩn quốc gia (như UNI ở Ý, AFNOR ở Pháp, DIN ở Đức v.v).

Theo đó, việc được công nhận theo tiêu chuẩn ISO 17025, một tiêu chuẩn được chấp nhận rộng rãi như là một tiêu chuẩn công nhận quốc tế của Phòng thí nghiệm, có thể không đủ để xuất khẩu sang Châu Âu.

Việc thiết lập một hệ thống đảm bảo an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn của EU đòi hỏi nhiều hành động phối hợp, bao gồm trách nhiệm của nhiều cơ quan chính phủ, phòng thí nghiệm.

Đối với những gì liên quan đến phòng thí nghiệm, tiêu chuẩn quốc tế ISO 17025 thường được áp dụng. Hiện tại, Việt Nam có ít nhất hai phòng thí nghiệm có hệ thống đảm bảo chất lượng tại chỗ và hai phòng này chỉ được công nhận cho một số loại phân tích, xét nghiệm nhất định, không thể đáp ứng toàn bộ yêu cầu của EU.

Cần nhớ rằng việc kiểm định không chỉ liên quan đến các xét nghiệm mà còn bao gồm các phương pháp được sử dụng để thực hiện chúng. Tuy nhiên, khả năng chuyên môn của các phòng thí nghiệm để tiến hành kiểm tra chất lượng và đạt được các tiêu chuẩn ISO 17025 cần phải cải thiện để đáp ứng những thách thức mới trong kiểm soát an toàn thực phẩm.

## 6.2 Sản xuất rời rạc

Sự rời rạc mạnh mẽ trong đất đai dành cho sản xuất là một hạn chế khác cho xuất khẩu. Để cạnh tranh, quy trình sản xuất phải được thực hiện ở số lượng lớn, các tiêu chuẩn an toàn và chất lượng cần phải được giám sát chặt chẽ. Các nhà sản xuất nhỏ không có khả năng đầu tư vào cơ sở hạ tầng cần thiết (như kho lạnh), một trong những yêu cầu để thực thi Các Thực hành sản xuất tốt.

Nhằm khắc phục điểm bất lợi này, Chính phủ Việt Nam dự kiến sẽ hỗ trợ các hiệp hội nông dân và các hợp tác xã nông dân.

## 6.3 Các tiêu chuẩn giám sát an toàn chất lượng trong quy trình sản xuất và phân phối

Các tiêu chuẩn về quản lý an toàn chất lượng vẫn còn thiếu ở nhiều giai đoạn khác nhau:

- > Trồng trọt;
- > Chế biến;
- > Vận chuyển;
- > Mua bán.

Ở cấp độ **Trồng trọt**, theo các cuộc phỏng vấn, vẫn diễn ra việc sử dụng rộng rãi thuốc trừ sâu trong sản xuất. Nông dân chưa được đào tạo để sử dụng thuốc trừ sâu đúng cách, dẫn đến sản phẩm vi phạm các mức MRLs, chứa các nguy cơ xấu cho sức khỏe và sản phẩm bị từ chối nhập khẩu.

Ở giai đoạn **sau thu hoạch**, việc không áp dụng chặt chẽ và đầy đủ các nguyên tắc HACCP và truy xuất nguồn gốc khiến việc xuất khẩu sang Châu Âu trở nên khó khăn. Vấn đề chính thường là chất lượng của địa điểm chế biến, không thường xuyên được dọn sạch, không đầy đủ cơ sở hạ tầng. Nếu cơ sở không được thiết kế phù hợp từ đầu để tuân thủ các tiêu chuẩn bắt buộc, các công ty cần tân trang lại chúng, với chi phí đầu tư cao và giảm thời gian sản xuất xuống. Trong các trường hợp khác, đó có thể là vấn đề sử dụng các vật liệu bị cấm (ví dụ như thép cacbon) hoặc công nghệ lạc hậu.

Chỉ có các tổ chức lớn có thể đủ khả năng xây dựng các tòa nhà mới và trang thiết bị hiện đại.

**Vận chuyển.** Các sản phẩm dễ hư hỏng phải được sản xuất, vận chuyển và bán dưới cơ chế kiểm soát nhiệt độ. Mức nhiệt độ phụ thuộc vào loại sản phẩm. Chế độ này được gọi là COLD CHAIN (Chuỗi giữ lạnh).

Việc áp dụng Chuỗi giữ lạnh cần phải được thực hiện ở tất cả các khâu hậu cần diễn ra trong nước (vận chuyển, bảo quản) để duy trì một hoặc nhiều sản phẩm (thường là thực phẩm, bao gồm các chất hóa học hoặc môi trường chứa sản phẩm đó) ở nhiệt độ thấp để đảm bảo chất lượng.

Các quy định về sức khỏe, quy định nhiệt độ tối ưu cho việc lưu trữ thực phẩm dựa trên khoa học truyền thống. Họ tính đến những thay đổi trong thói quen tiêu dùng, sự phát triển của công nghệ chế biến thực phẩm và những rủi ro, cũng như mục tiêu nhằm đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng.

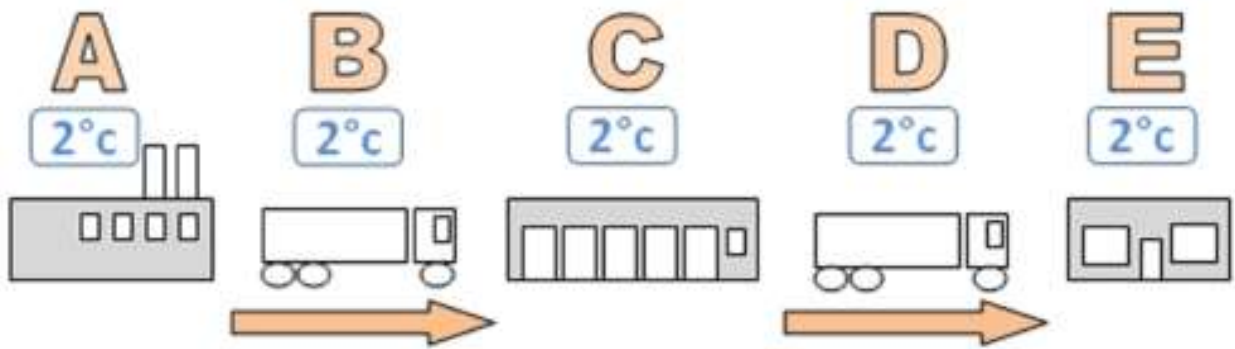
**A:** Nhà sản xuất

**B:** Chế biến

**C:** Phân phối

**D:** Vận chuyển

**E:** Khách hàng



Bất cứ sự gia tăng nhiệt độ nào cũng gây ra và thúc đẩy sự tăng trưởng của vi sinh vật và làm giảm tuổi thọ sản phẩm: một sản phẩm lạnh mạnh có thể trở thành sản phẩm nguy hiểm, bề ngoài và chất lượng sản phẩm đó có thể bị xấu đi.

COLD CHAIN không được thực hiện đầy đủ ở Việt Nam khi bất cứ ai cũng có thể bước vào một khu chợ và nhìn thấy các sản phẩm được bày bán không được đóng gói và bảo quản lạnh đầy đủ.

Việc vận chuyển theo chuỗi giữ lạnh (COLD CHAIN) bao gồm việc giám sát các phương tiện vận chuyển theo một bộ quy tắc hoặc tiêu chuẩn được thiết lập cụ thể.

Mặc dù trái cây tươi và rau quả không thuộc danh sách thực phẩm dễ bị hư hỏng theo Hiệp định ATP<sup>2</sup>, việc bảo quản các sản phẩm này được giữ lạnh đặc biệt trong điều kiện khí hậu khắc nghiệt là rất cần thiết.

Người viết không biết quy tắc nào được áp dụng để kiểm tra hiệu quả của xe tải và xe tải làm lạnh để vận chuyển các sản phẩm làm lạnh và đông lạnh trong nước.

Việc chuỗi giữ lạnh được duy trì hợp lý cần được thực hiện là rất quan trọng, không chỉ vì lợi ích của việc kinh doanh mà còn vì lợi ích của sức khỏe con người.

#### Địa điểm bán hàng.

- Thực phẩm dễ bị hư hỏng:
  - Thực phẩm đông lạnh;
  - Kem giữ ở nhiệt độ  $-20^{\circ}\text{C}$  và thủy sản đông lạnh ở nhiệt độ  $-18^{\circ}\text{C}$ .
- Thực phẩm giữ lạnh, mát nhưng trên mức đông đá:
  - Sản phẩm thịt, sữa tiệt trùng ở nhiệt độ  $+6^{\circ}\text{C}$ ;
  - Thịt đỏ ở nhiệt độ  $+7^{\circ}\text{C}$ .

Các sản phẩm cần được giữ ở một mức nhiệt độ phù hợp trong suốt chuỗi giữ lạnh, bao gồm cả tại địa điểm bán hàng. Bất cứ sự gia tăng nhiệt độ nào cũng có thể gia tăng rủi ro ngộ độc thực phẩm hoặc suy giảm chất lượng sản phẩm.

Theo quan điểm trên, một số quy định của Châu Âu (ví dụ như tại nước Ý) có bao gồm các thực hành theo nguyên tắc ATP vào các tiêu chuẩn HACCP, nói một cách khác, đối với một nhà sản xuất thực phẩm tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn thực phẩm, người đó phải sử dụng các phương tiện vận chuyển có giữ lạnh được dán mác ATP.

Duy trì nhiệt độ phù hợp để giữ lạnh sản phẩm cũng có nghĩa là kéo dài tuổi thọ sản phẩm, do đó các công ty có thể điều chỉnh giá cả cho phù hợp. Các khoản đầu tư vào hệ thống cửa hàng giữ lạnh và các phương tiện vận chuyển có giữ lạnh thường mang lại hiệu quả nhanh chóng.

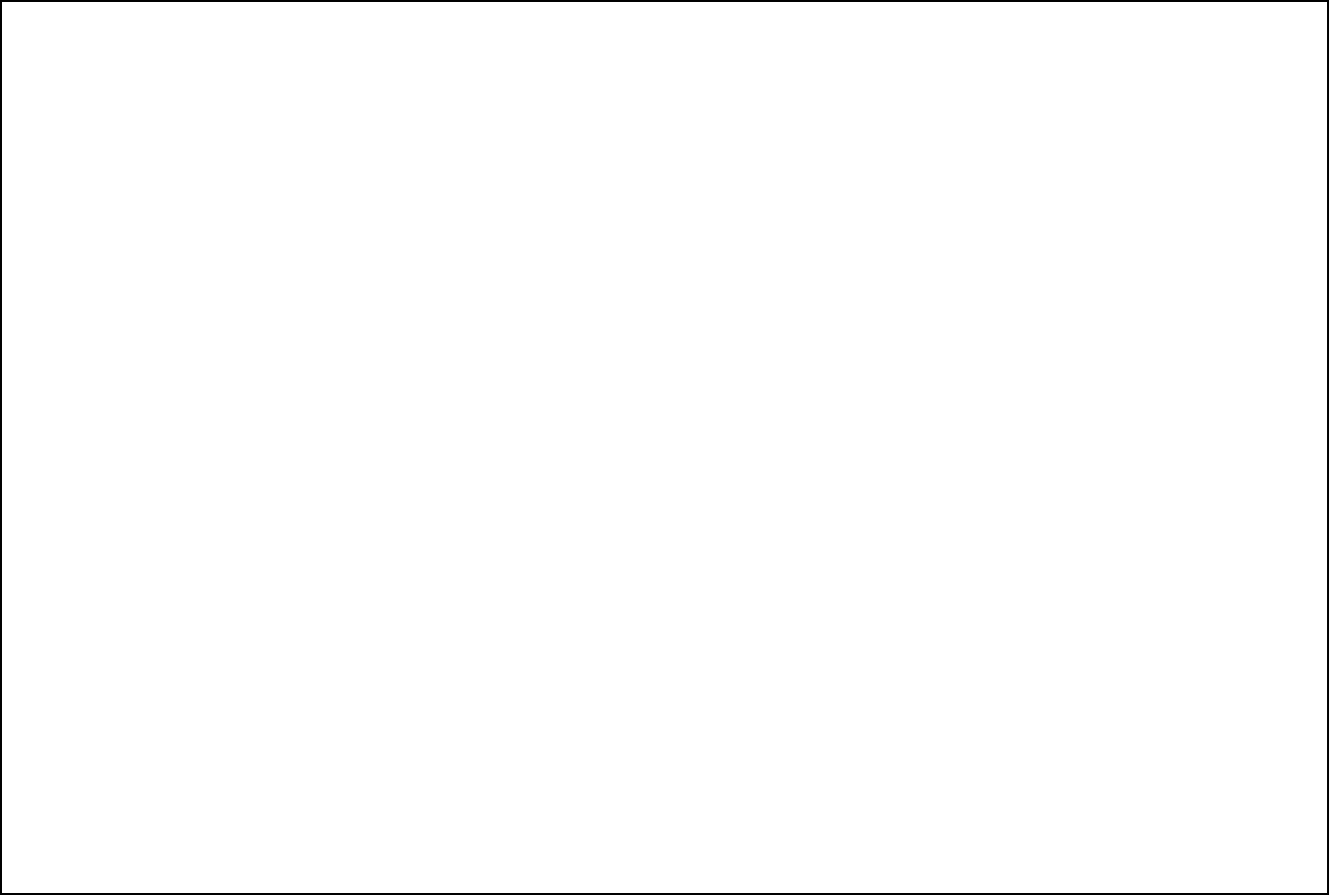
## 7. CÁC KHUYẾN NGHỊ

### 7.1 Các khuyến nghị về mặt thể chế

13. Tiến hành một phân tích chính xác về nhu cầu của các phòng thí nghiệm kiểm dịch thực vật bao gồm có nhu cầu về trang thiết bị và đào tạo nhằm có thể thực hiện được toàn bộ các bài xét nghiệm phát hiện mức dư lượng MRLs của thuốc trừ sâu theo tiêu chuẩn của Châu Âu
14. Cung cấp các biện pháp phù hợp để giải quyết những thiếu sót trong việc phát hiện các dư lượng MRLs của thuốc trừ sâu, ví dụ như đào tạo các cán bộ về an toàn thực phẩm, các phương pháp kiểm nghiệm theo tiêu chuẩn của EU, các chương trình giám sát dư lượng trong giai đoạn sản xuất.
15. Xem xét áp dụng các mức MRLs của Châu Âu, cung cấp danh sách các sản phẩm có thể được chấp nhận và dán mác rõ ràng theo các yêu cầu nhập khẩu của Châu Âu và/hoặc cung cấp danh sách các loại thuốc trừ sâu bị cấm, không phù hợp để sử dụng cho các sản phẩm xuất khẩu sang EU
16. Hỗ trợ người trồng trong việc lựa chọn đúng sản phẩm, sử dụng đúng cách, bằng cách tổ chức các khóa đào tạo cho nông dân và/hoặc các hội nông dân.
17. Thực hiện Quy trình đảm bảo chất lượng và an toàn sản phẩm đầy đủ bao gồm tất cả các khâu trong chuỗi cung ứng từ khâu sau thu hoạch đến phân phối và bán hàng, đặc biệt đề xuất áp dụng các tiêu chí HACCP.
18. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng dây chuyền lạnh bằng cách sửa đổi các tiêu chuẩn vệ sinh và chế biến cần thiết cho việc vận chuyển trái cây và rau tươi (ví dụ như phương pháp ATP)
19. Để giải quyết các vấn đề liên quan đến MRLs, việc đưa ra một Chương trình Giám sát MRLs là chưa đủ, cần tập trung vào việc quản lý sử dụng thuốc trừ sâu an toàn phù hợp với Quy tắc ứng xử quốc tế của FAO về Quản lý an toàn đối với thuốc trừ sâu. Một phần của việc này bao gồm việc phân tích và đánh giá khung pháp lý và khung thể chế hiện hành đối với việc quản lý sử dụng thuốc trừ sâu ở Việt Nam.
20. Cung cấp các khóa đào tạo và các buổi hỗ trợ kiến thức để củng cố năng lực của khu vực tư nhân và khu vực công nhằm giảm thiểu các nguy cơ liên quan đến thuốc trừ sâu và giảm tổng thể việc sử dụng thuốc trừ sâu.
21. Thúc đẩy hợp tác, trao đổi thông tin và kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến quản lý thuốc trừ sâu (bao gồm bảo vệ kiểm tra biên giới và kinh nghiệm kiểm soát chung - chia sẻ tại Việt Nam giữa các Bộ).
22. Cần hỗ trợ thêm cho việc đào tạo năng lực trong lĩnh vực sử dụng hợp lý thuốc trừ sâu ở cấp quốc gia, bao gồm việc huy động các nguồn lực tài chính.
23. Từ khía cạnh thực tế, có thể đề nghị cung cấp hỗ trợ cho việc phân tích nhu cầu của quốc gia về các chương trình đánh giá để tăng cường năng lực quản lý việc sử dụng thuốc trừ sâu trên cơ sở tiếp cận liên ngành và đa bên.
24. Tính then chốt của việc quản lý thuốc trừ sâu an toàn là giám sát tất cả các bước sau khi đăng ký thuốc trừ sâu, bao gồm kiểm soát chất lượng và các hệ thống giám sát buôn bán hàng giả, buôn lậu, có hiệu lực pháp luật hiệu quả.

## **7.2 Khuyến nghị cho khu vực tư nhân**

8. Trước khi bắt đầu xuất khẩu sang EU, hãy thực hiện chính xác các hướng dẫn trong hướng dẫn đính kèm và đảm bảo rằng tất cả các yêu cầu đều có thể được đáp ứng
9. Đảm bảo rằng các sản phẩm được trồng theo tiêu chuẩn GlobalGap
10. Đảm bảo sản phẩm được làm mát nhanh
11. Tiến hành kiểm tra chính xác nguyên liệu theo các tiêu chuẩn SPS và các yêu cầu bắt buộc khác của EU
12. Thiết lập một hệ thống HACCP cho nhà đóng gói và giai đoạn vận chuyển
13. Kiểm soát dây chuyền lạnh
14. Sử dụng phương tiện vận chuyển lạnh càng nhiều càng tốt theo thông lệ quốc tế và Tiêu chuẩn Sản xuất tốt





## Phụ lục 1: Chương trình gặp mặt và kế hoạch làm việc

### Meeting agenda under MUTRAP Programme

*Oct. 3, 2017: Ministry of Agriculture and Rural Development (MARD)*

10:00 -11:30 Meeting with Dr **Hoa** LT head of SPS Office and **Mr Tru** DQ, SPS consultant Introduction, scope of the mission. Discuss technical issues regarding preparing for booklet and Seminars and other relevant issues related.

13:30 -14:30 Meeting with **Dr Trung** H, DG, Plant Protection Department (PPD) and **Mr Ha** LV, Head of Plant Quarantine Division, PPD to discuss on technical Access Market (TMA) and import/export requirement for EU market.

14:45 – 16:30 Meeting with **Dr Oanh** LT, Director, Northern pesticide control and testing Center to Visit Pesticide residue and quality control and discuss on pesticide residue/quality control for fruit import/export to EU.

*Oct. 4, 2017: 8:30 – 11:30* Visit Fruit and Vegetables Research Center (SOFRI), MARD, Gialam, Hanoi. Meeting with **Dr Hung** DG, SOFRI and his **Researchers** to discuss Fruit R&D, Training program on GAP. Field visit to longan and other fruit plantation for export.

13:30 – 14:30 Viet Nam Trade Promotion Agency 20 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

15:00 – 16:30 Meeting with Agro-Processing and Market Development Authority, MARD 10 Nguyễn Công Hoan, Hà Nội

19:30- 21:30: flight from Ha noi to HCM city

*Oct. 5-6, 2017: 9:00-10:00* Meeting with Plant quarantine Sub-Dept (PQSD, Post entry Quarantine Center, Pesticide residue/quality control under PPD;

10:30 – 11:30 To meet with **Head of** Viet Nam fruits and vegetables association **offices** to discuss technical access market, import/export requirements and procedures for fruit to export to EU.

*Oct. 6, 2017:* Visit Southern Fruit Research Center and Plant Protection Sub-Department Tien Giang to discuss on Fruit research and production. Field trip to Fruit farm export to EU.

Oct. 7- 8, 2017: Days off and **Prepare for workshop in HCM and Ha Noi**

*Oct. 9, 2017:* **Workshop** on SPS issue related to fruit import/export (in HCM City)

*Oct. 10, 2017:* *Flight from* HCM City to Hanoi

*Oct. 11 2017:* **Workshop** on SPS issue related to fruit import/export (in Hanoi)

*Oct. 12- 20, 2017:* Briefing the end of mission **and writing report and outline the hand book**



## **Danh sách các Phụ lục khác**

**Phụ lục 2: Đề xuất dự án**

**Phụ lục 3: Hướng dẫn sử dụng thuốc trừ sâu an toàn của FAO**

**Phụ lục 4: Các bài thuyết trình**